|  |  |
| --- | --- |
| UỶ BAN NHÂN DÂN | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|  |  |
| Số: /QĐ-UBND | *Hải Phòng, ngày tháng năm 2023* |
| (Dự thảo) |  |

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý

tài nguyên nướctrên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo

Quyết địnhsố 11/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2017

của Ủy ban nhân dân thành phố

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

 *Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

 *Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; số 41/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 quy định về giám sả khai thác, sử dụng tài nguyên nước; Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số.../TTr-STNMT ngày.../…./2023 và Báo cáo thẩm định số ...../BCTĐ-STP ngày..../..../2023 của Sở Tư pháp.*

QUYẾT ĐỊNH:

 Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước

3. Việc lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tài nguyên nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

4. Tổ chức hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Khoản 1, Điều 5 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/72016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, Điều 7 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại và trả lại Giấy phép tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại và trả lại Giấy phép đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại và trả lại Giấy phép đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Tài nguyên và Môi trường. Các loại giấy phép tài nguyên nước quy định tại Khoản 1, Điều 15, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

2. Việc cấp, gia hạn, cấp lại Giấy phép tài nguyên nước đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tài nguyên nước thành phố, Quy hoạch cấp nước thành phố.

3. Việc cấp, gia hạn, cấp lại Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với các công trình thuộc Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt phải đảm bảo các quy định tại Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định về hạn chế khai thác nước dưới đất”.

3. Sửa đổi Điều 10 như sau:

“Điều 10. Đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, nước dưới đất

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, thẩm định, xác nhận đăng ký khai thác nước mặt, nước biển đối với các công trình quy định tại Điểm a, b, Khoản 1, Điều 17 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. Việc xác nhận đăng ký khai thác nước mặt, nước biển đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tài nguyên nước thành phố, Quy hoạch cấp nước thành phố.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, thẩm định, xác nhận đăng ký khai thác nước dưới đất đối với các công trình quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 17 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước không nằm trong Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3724/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 về việc phê duyệt Danh mục và Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, thẩm định, xác nhận đăng ký khai thác nước dưới đất đối với các công trình quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 17 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước nằm trong Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3724/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 và vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3725/QĐ-UBND ngày 07/11/2022.

4. Rà soát, đôn đốc đăng ký khai thác nước mặt, nước dưới đất

a) Đăng ký khai thác nước mặt

Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân có công trình khai thác, sử dụng nước mặt thuộc diện phải đăng ký trên địa bàn; thông báo và phát tờ khai cho tổ chức, cá nhân để kê khai theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 39 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ.

b) Đăng ký khai thác nước dưới đất

Căn cứ Danh mục vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất thuộc diện phải đăng ký trên địa bàn; thông báo và tờ khai đăng ký cho tổ chức, cá nhân để kê khai theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 38 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ”.

4. Sửa đổi Khoản 2 và Khoản 3 Điều 11

“Điều 11. Sở Tài nguyên và Môi trường

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất đối với các vùng thuộc Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3724/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 về việc phê duyệt Danh mục và Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

3. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đăng ký khai thác nước dưới đất đối với các công trình nằm trong các vùng thuộc Danh mục vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3725/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 về việc phê duyệt Danh mục và Bản đồ phân vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

5. Sửa đổi khoản 4 Điều 24

“Điều 24. Ủy ban nhân dân cấp huyện

4. Xác nhận đăng ký khai thác nước dưới đất đối với các công trình quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 17 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước nằm trong Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3724/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 và vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3725/QĐ-UBND ngày 07/11/2022.

6. Bổ sung khoản 8, Điều 27

“Điều 27. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác sử dụng nước mặt, nước biển, nước dưới đất có trách nhiệm:

8. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có công trình khai thác tài nguyên nước có trách nhiệm đầu tư, lắp đặt các thiết bị đo đạc, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước tại công trình khai thác và kết nối, truyền trực tiếp, cập nhật số liệu từ công trình khai thác tài nguyên nước vào cơ sở dữ liệu của hệ thống giám sát chung của thành phố. Quy mô, loại hình và công suất của các công trình khai thác tài nguyên nước được quy định cụ thể trong Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

Nguyên tắc giám sát; hình thức giám sát; hệ thống giám sát; yêu cầu đối với thiết bị thu nhận, lưu trữ dữ liệu và phần mềm quản lý, xử lý dữ liệu; yêu cầu đối với cơ sở dữ liệu giám sát; yêu cầu đối với thiết bị đo đạc, kết nối, truyền số liệu của cơ sở có công trình; giám sát hoạt động khai thác của các công trình được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước”.

 Điều 2. Bãi bỏ, thay thế một số cụm từ, khoản, điều của Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Bãi bỏ Điều 9

2. Thay thế cụm từ “Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013” bằng cụm từ “Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023” tại Khoản 4, Điều 27.

3. Bãi bỏ cụm từ “xả nước thải vào nguồn nước” tại Khoản 4, Điều 27.

4. Bãi bỏ điểm b, Khoản 5, Điều 27

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ..../..../2023.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận/huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và căn cứ Quyết định thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*- Như Điều 3;- TTTU,TT HĐNDTP;- Chủ tịch, các PCT UBND TP;- CVP, các PCVP UBND TP;- Các phòng: NNTNMT; NC&KTGS;- CV: KS, TNN;- Lưu: VT.  | CHỦ TỊCH Nguyễn Văn Tùng |